

BÍ MẬT CỦA MẬT TÔNG ĐẠI THỦ ẨN VÀ KINH MẠCH .

Ba món báu mật của Đạo Giáo là TINH – KHÍ – THẦN ; Ba món vật quý giá của Phật Giáo Hiền Tông là PHẬT – PHÁP – TĂNG ; Ba món vật quý báu của Phật Giáo Mật Tông là KHÍ – MẠCH – MINH ĐIỂM .

Mật Tông chú trọng sự luyện tập của cá nhân về Ý và KHÍ ; Từ sự luyện tập ĐIỂM trở thành KHÍ , và từ KHÍ chuyển vận KINH MẠCH , từ đó sinh ra NỘI HÓA (lửa bên trong) , từ nội hỏa sản sinh ra QUANG MINH (sự chiếu sáng) , từ quang minh hòa nhập vào biển VĨ TRỤ QUANG , đạt đến cảnh giới của PHẬT QUẢ , đó là sự liên hệ quan trọng , giữa ĐẠI THỦ ẨN và KINH MẠCH .

KINH MẠCH là gì ? người xưa có nói : Kinh mạch giả , hành khí huyết , thông âm dương . Trong cơ thể của con người , kinh mạch là những con đường , để khí huyết lưu thông đi nuôi cơ thể .

Sự tu luyện của Đạo gia phái Côn Luân , chú trọng đến phương pháp Thông Tam Tiêu – là Thượng Tiêu , từ hoành cách mô trở lên , trung tiêu là từ hoành cách mô xuống đến bụng , hạ tiêu là từ bụng xuống đến chân .

Kinh mạch được chia ra làm 12 đường kinh mạch là : 1.- Thủ thái dương phế kinh . 2.- Thủ âm minh đại trường kinh . 3.- Túc âm minh vị kinh. 4.- Túc thái dương tỳ kinh.5.- Thủ thiếu dương tâm kinh.6.- Thủ thái âm tiểu trường kinh .7.- Túc thái âm bàng quang kinh.. 8.- Túc thiếu dương thận kinh . 9.- Thủ khuyết dương tâm bào kinh.10.- Thủ thiếu âm tam tiêu kinh.11.- Túc thiếu âm đản kinh.12.- Túc khuyết dương can kinh.

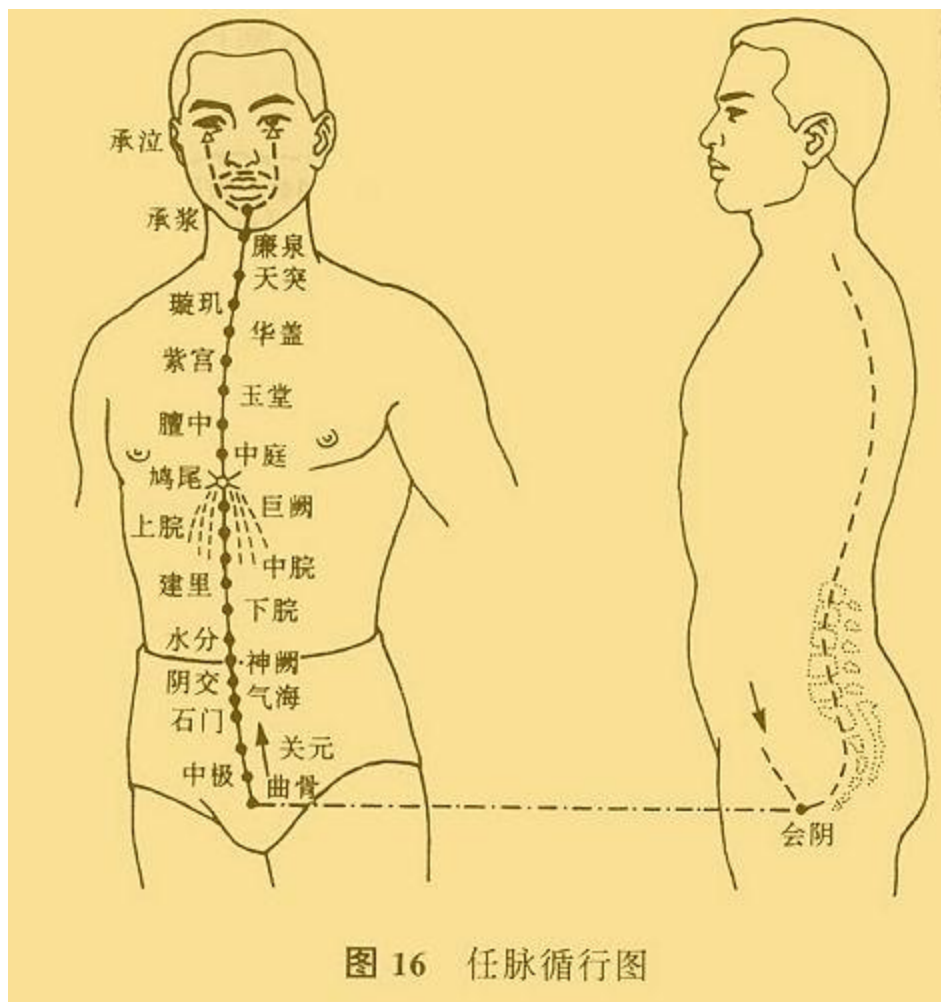
Kỳ kinh bát mạch gồm có : 1.- Nhâm mạch . 2.- Đốc mạch . 3.- Xung mạch.4.- Đới mạch.5.- Dương duy mạch.6.- Âm duy mạch.7.- Dương kiêu mạch.8.- Âm kiêu mạch .

Sự tu luyện của Đạo gia , vận khí trong 12 kinh mạch , gọi là sự vận hành khí trong Đại Châu Thiên , còn sự vận hành khí trong kỳ kinh bát mạch gọi là Tiểu Châu thiên .

Phương pháp Đại Thủ Ấn của Mật Tông , không phân chia phức tạp như Đạo gia .

Mật tông đem những Tàng Thần kinh , Chủ yếu là Kinh Mạch chia ra làm 7 trung tâm , phân chia như sau : 1.- Đỉnh đầu .2.- Giữa chân mày.3.- Ở cổ.4.- Ở giữa ngực ngang tim.5.- Ở bụng.6.- Sinh thực khí . 7.-Ở xương cụt.

Đem nội hỏa gọi là châm lửa , đem mạch phân làm Tả mạch – Hữu mạch và Trung mạch . Do đó, 7 trung tâm và 3 mạch của Mật Tông và 12 kinh cùng Bát mạch của Đạo giáo , đại thể căn bản là giống nhau.



Đại Thủ Ấn nói về vận hành khí huyết , thông kinh mạch , nước cam lồ thấm nhuần tạng phủ , thấm nhuần gân cốt, điều hòa Thủy,Hỏa , Phong , Thổ . Những tác dụng trên , đều giống cách luyện tập của Đạo gia trung Hoa .

Phương pháp thông quan của Mật tông là đầu tiên đả thông kinh mạch , sau đó hội tụ lửa thành một điểm , sau đó châm lửa đốt thành ánh sáng ; phương pháp này giống như phương pháp của Đạo gia là : luyện Tinh hóa Khí , luyện khí hóa Thần , luyện Thần hoàn Hư , Luyện Hư hoàn Đạo .

Ba điểm bí mật của Mật Tông Đại Thủ Ấn là : 1 .- Quán tưởng . 2.- Thất chi thiên tọa.3.- Chú Âm tức là thu nạp hít thở

và niệm chú .

Tam quán của Đại thủ Ấn là : Không quán – Giả quán và Trung quán .

Không quán là quán tưởng vạn pháp tự thể là không có ; Giả quán là vạn pháp do duyên sanh hư tướng , sanh sanh diệt diệt . Trung quán là vạn pháp không thiết , không giả , trung đạo , tức là áp dụng vạn pháp cho đúng lúc đúng thời , đúng Thời và Vị theo như tinh hoa của Kinh Dịch vậy .

Tập luyện Tam quán của Đại Thủ Ấn , có thể giúp Hành giả phá vỡ Ba điều mê hoặc , chứng đắc Tam trí và thành tựu Tam Đức , cuối cùng vĩnh viễn thoát được Ma đạo.

Ngoài ra còn có sự quán tưởng huyết Đan điền là Nội quán , còn Ngoại quán , Hành giả có thể nhìn chân dung , Pháp tướng uy nghiêm , hình ảnh vị Thầy của mình , làm đối tượng để quán tưởng ; Hành giả nhìn vài giữa chân dung , ngay chân mày của Thầy mình một cách mãnh liệt và tưởng tượng từ đó phóng ra , một luồng ánh sáng trắng , phóng đến giữa chân mày của mình. Đây là phương pháp tập trung tinh thần , đem tập niệm biến thành nhất niệm , tập như thể một thời gian , hành giả có thể tiến đến , tập nội quán , quán tưởng tại đan điền . Khi hành giả tập trung chú ý đến huyết Đan điền , thì ánh sáng sẽ hiện ra . Ngoại quán , quán tưởng lấy chân dung uy nghiêm vị Thầy của mình làm đối tượng để quán tưởng ; còn Nội quán , quán tưởng của Đạo gia, thì đầu tiên quán tưởng huyết đan điền , sau đến huyết mạng môn , thứ ba quán tưởng huyết Dũng Tuyền ở chân , thứ tư huyết Bách hội , sau đó quán huyết Mi tâm , giữa chân mày .

Còn nguyên tắc Đại Thủ Ấn của Mật Tông , đầu tiên quán tưởng Đan điền , sau đó đến trung tâm ở bụng , đến trung tâm tim , thứ tư ở cổ , thứ năm mi tâm và chót hết đến đỉnh đầu .

Trong lúc quán tưởng , không được căng thẳng thần kinh , hay chú ý quá sức , mà cần phải thư thả tự nhiên , không gấp

rút

Về phương pháp quán tưởng để làm phát sinh luồng nhiệt năng nội hỏa , thì hoàn toàn nhờ vào sự hít thở và tưởng tượng ; khi hít không khí vào, thì tưởng tượng màu trắng , khi đến đơn điền biến thành màu đỏ , khi thở không khí ra , không khí biến thành màu đen . Việc tưởng tượng màu sắc có ý nghĩa như sau : Tưởng tượng ánh sáng trắng là biểu hiện của sự hấp thụ thanh tịnh quang minh ; màu đỏ là sự phát sinh nội hỏa ; màu đen là sự phế thải ra khí dơ và nghiệp chướng, hoặc có thể thay màu đen thành màu lam hay xanh cũng được .

Phương pháp quán tưởng nội hỏa :

Đầu tiên tưởng tượng một điểm tròn màu đỏ , tại huyết đan điền , cách dưới rốn 4 ngón tay , huyết này là điểm giao thoa của Tam mạch , tả hữu và trung mạch ; Điểm đỏ này được tưởng tượng như một đốm lửa nóng như than hồng trong lò , đỏ rực tỏa ra hơi nóng , sau đó hít một hơi dài , vận khí đi vào hai mạch tả hữu , để đi đến huyết đan điền , thôi cho điểm lửa ở đây , mỗi lúc càng nóng hơn ; khi thở ra hành giả tưởng tượng , thở ra không khí màu đen , hít thở như vậy , một vòng gọi là một tức ; cứ 10 tức thì cục lửa hóa ra to lớn hơn và thăng lên một trung tâm lực cao hơn , tức từ đan điền đi lên trung tâm tim , cổ, mi tâmHít vào đếm 6 nhịp , ngưng 2 , thở ra 6 , ngưng 2 là xong một chu kỳ .

Khi tập lên cao , Thủ Ấn , Thân Ấn có thể biến thành quán tưởng ; Chú ngữ biến thành Thu Nạp hít thở ; và hít thở có thể hóa thành khí để quán tưởng ; đó là sự hợp nhất của Tam Quán .

BÍ MẬT BÊN TRONG CƠ THỂ CON NGƯỜI VÀ ÁN QUYẾT MẬT TÔNG

Tam mật trong Mật Tông là : Thân Mật – khẩu Mật và Ý Mật . Ý nghĩa nội tại của tam mật được giải nghĩa ở ba cấp bậc luyện

tập cao thấp khác nhau .

Nói riêng về thân mật , qui nạp lại có hai ý nghĩa : 1.- Bí mật thân thể của con người và vũ trụ , trời đất có một sự tương quan liên lạc với nhau rất mật thiết . Nhưng vì đa số con người , không có luyện tập , để có đại trí tuệ , và không được thông qua sự luyện tập hợp lý , nên vĩnh viễn không thể phát huy được , sự tác dụng hỗ tương này và không khai mở được sự bí mật tương quan của cơ thể con người cùng vũ trụ . 2.- Mật Tông nhận thấy rằng , có nhiều phương pháp luyện tập , truyền thống bí mật , được lưu truyền từ ngàn xưa , có thể giúp con người nhanh chóng , luyện tập trong một khoảng thời gian ngắn , có thể giúp con người liên lạc , cảm ứng được Thần Linh , và kết hợp con người và vũ trụ lại làm một , tiến đến đưa con người đến quả vị Thánh và Phật .

Nhưng từ phạm vi đạo lý và luyện tập Mật Tông của Nhật Bản và Mật tông của Tây Tạng , có những điểm căn bản khác nhau . Phía Mật tông Nhật Bản , sự kết hợp Tâm Thức và Tâm Lý , giữa sự quán tưởng , cùng một cách thức tập luyện nào đó , để kết hợp thành những hình ấn quyết khác , thông qua sự tập luyện ; hành giả có thể thâm đạt được những tiềm năng huyền bí , rất đáng được nghiên cứu và học tập . Về phía Mật Tông Tây Tạng , ngoại trừ uy lực của Ấn Quyết , còn có khí lực của thân người , kinh mạch , tuyến nội tiết của thân người , đều có khả năng bí mật , giúp cho con người TỨC THÂN THÀNH PHẬT , THIÊN NHÂN TƯƠNG THÔNG , HỢP NHẤT VỚI NHAU ; Có thể nói là rất gần với sự tập luyện khí và kinh Mạch của Đạo gia Trung Hoa .

Những kẻ bàng quan , những kẻ không hiểu biết , khi xem qua những Ấn Quyết của Mật Tông , có thể hiểu lầm là những trò đùa của ảo thuật . Nhưng thật ra , đó là những khoa học bí mật cao cấp về nhân thể quang học và Nhân Thể Điện và Hóa

Học , sẽ được khoa học giải thích nội dung bí mật của nó trong một ngày gần đây .

SỰ LIÊN QUAN GIỮA KHÍ LỰC KINH MẠCH CỦA HAI BÀN TAY – CHÂN ĐƯỢC XỬ DỤNG TRONG LÚC BẮT ẤN QUYẾT .

Ấn quyết là sự chứng nghiệm của cổ nhân để lại ; trong khi luyện tập , dùng hai bàn tay để bắt ấn , thì ta sẽ chứng nghiệm và cảm nhận được luồng khí lực , được phát ra rất mạnh từ hai bàn tay , và ta chỉ cần luyện tập trong một khoảng thời gian ngắn là có thể đạt được hiệu quả .

Dùng phương pháp Tam Mật Tương Ứng , mà hằng tâm tập luyện , các ấn quyết một cách tuần tự , chỉ trong một thời gian tập luyện liên tục ; đến khi khí lực trong cơ thể , đã nhờ sự tập luyện , mà tích tụ đầy đủ mạnh ; thì ta có thể vận dụng làm chuyển động toàn khí lực , trong toàn thân ra ngoài hai bàn tay đang bắt ấn quyết , sẽ khiến ấn quyết đang bắt , sẽ phát ra một luồng khí quang sáng rực.

Sau đây là sự liên hệ giữa thủ ấn và kinh mạch :

Bàn tay trái gọi là Thiện Niệm Thủ , còn gọi là Chỉ thủ – bàn tay đình chỉ , ngưng – hay còn gọi là Tam muội Thủ . Bàn tay mặt gọi là Bi Niệm thủ , còn có tên là Quán thủ , Bát Nhã . Mỗi bàn tay gọi là Kim Cang Chưởng . Mười ngón tay thường được gọi là Thập Luân Viên Mãn , lại còn có tên là Thập Độ , Thập Địa , Thập Giới , Thập Ba La Mật ; Mười đầu ngón tay được gọi là Thập Ba La Mật Phong – tức là mười đỉnh của mười ngọn núi cao . Ngón cái tay trái có tên gọi là Trí , ngón trỏ là Lực , ngón giữa là Nguyên , ngón áp út là Phương , ngón út là Huệ . Ngón cái tay mặt là Thiên , ngón trỏ là Tiến , ngón giữa là Nhân , ngón áp út là Giới , ngón út là Thí .

Sau khi luyện tập thủ ấn , đã phát động được nội khí , ta có thể vận động 10 ngón tay và 10 ngón chân , để nội khí trong 12 kinh mạch và kỳ kinh bát mạch , được vận hành , khiến cho khí huyết trong cơ thể được lưu thông tốt , đẩy mạnh quá trình biến dưỡng , thông qua đó giúp cho cơ thể chống được bệnh tật và sự tấn công của ngoại giới .

Sự lay động các ngón tay ,hay sự khâu vòng các ngón tay lại với nhau , có thể làm cho nội khí vận hành trong cơ thể , sản sinh ra sự kích động , làm cho cơ thể tự rung động , ngã nghiêng và kích động mãnh liệt .

Trong lúc luyện công bắt ấn , các luồng khí lực trong cơ thể , được phát ra theo đầu các ngón tay như sau :

- Ngón cái phát ra khí lực của Thái Âm Phế kinh.
- Ngón trỏ phát ra khí lực của Dương minh Đại Trường Kinh .
- Ngón giữa phát ra khí lực của kinh tâm Bào Lạc .
- Ngón út phát ra khí lực của Tiểu Trường Kinh và Tâm Kinh

Trong lúc luyện công bắt ấn , các luồng khí lực trong cơ thể , được phát ra theo đầu các ngón chân như sau :

- Ngón chân cái phát ra khí lực của Tỳ Kinh.
- Ngón chân trỏ phát ra khí lực của Can Kinh.
- Ngón chân giữa phát ra khí lực của Vị Kinh.
- Ngón chân áp út phát ra khí lực của Đởm Kinh .

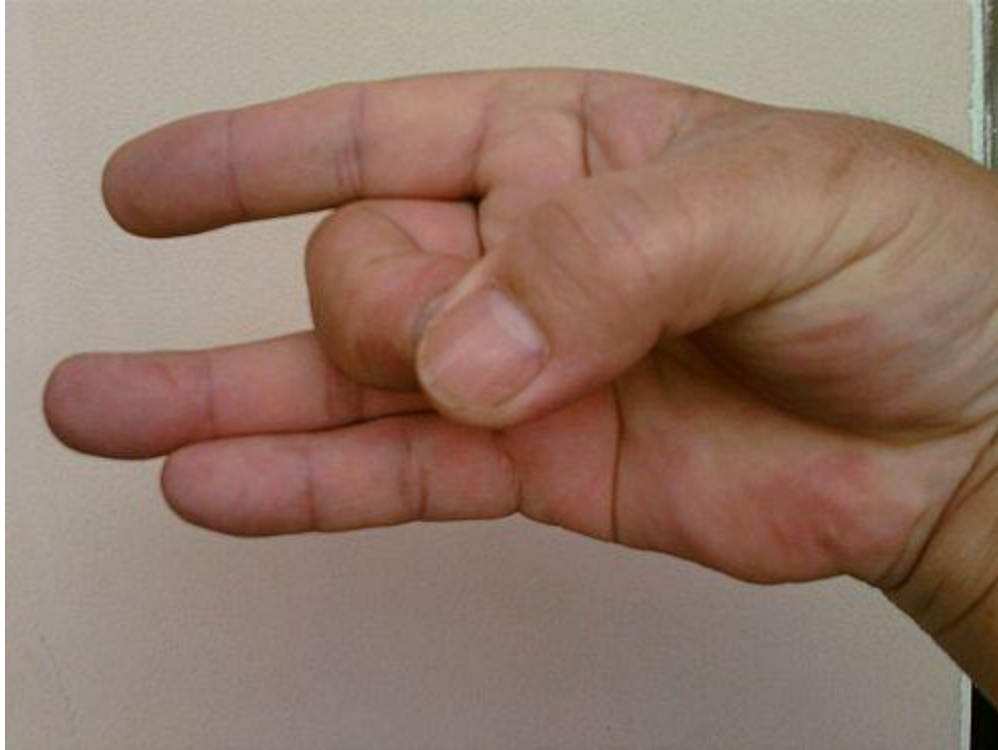
Phạm lệ khi các ngón tay bắt ấn , khâu vòng vào nhau , thì có công năng luyện khí nội tại bên trong của cơ thể ; còn khi các ngón tay nào duỗi thẳng , thì có công năng phóng phát khí lực từ bên trong ra ngoài . Do đó, Khí lực nội luyện là Bổ , còn khí lực được phóng ra ngoài là Tả . Vì thế, tùy theo tình hình sức khỏe của mỗi người , mà bắt ấn Bổ hoặc Tả , để luyện tập – Cơ thể yếu thì Bổ và ngược lại , cơ thể quá dư thừa khí lực thì Tả .

Sự BỔ TẢ của khí lực dùng trong các ấn quyết trong lúc luyện tập là :

KIM CANG TAM CÔ ẤN : Hai đầu ngón cái và ngón trỏ của mỗi bàn tay nối lại vòng tròn , còn các ngón còn lại duỗi thẳng ra , hai bàn tay để trước bụng , tay mặt để bên , trên tay trái để bên dưới , ấn này dùng để làm bổ khí lực của Thái Âm Phế Kinh và Đại Trường Kinh . Đồng thời bài tiết , phế thải khí lực dư thừa hay thải trực khí của ngón giữa là Tâm Bào Kinh , ngón áp út Tam Tiêu Kinh và ngón út Tiểu trường Kinh .



QUAN ÂM CAM LỘ ẤN : Hai đầu ngón cái và ngón giữa khâu vòng lại , các ngón còn lại duỗi thẳng lên , bàn tay để trước ngực . Dùng để tập luyện làm bổ cho khí lực của ngón cái là Thủ Thái Âm Phế Kinh , ngón giữa là Tâm Bào Lạc Kinh , đồng thời làm phóng khí lực hoặc làm bài tiết phế thải khí lực dư thừa hay trực khí của ngón trỏ Đại Trường Kinh , Ngón áp út Tam Tiêu Kinh và ngón út Tiểu trường Kinh và Tâm Kinh .



KIẾT TƯỜNG ÁN : Đầu ngón cái và ngón áp út đeo nhân khâu vòng chạm vào nhau , các ngón khác duỗi thẳng lên . Được tập luyện để làm bồi bổ khí lực của Thủ Thái Âm Kinh và ngón áp út là Tam Tiêu Kinh , làm phóng khí lực của ngón trỏ là Đại Trường Kinh, ngón giữa là Tâm Bào Lạc Kinh , ngón út là Tiểu Trường Kinh và Tâm Kinh .



NGŨ HÀNH ẤN ĐƯỢC DÙNG TRONG VÕ THUẬT .

Khi giáp trận chiến đấu , nhà Võ Thuật Gia có thể dùng các ngón tay , đan xỏ vào nhau , để bắt thành Ngũ Hành Ấn : Địa – Thủy – Hỏa – Phong – Không . Để nhờ đó , họ có thể tập trung sự chú ý vào trong các ấn quyết này , để điều chỉnh năng lượng tâm thức của mình , lên đến các cảnh giới cao , chuẩn bị các thái độ cần phải có , để làm nền tảng , cho các kỹ thuật , hoặc các đòn thế thích hợp với tình hình chiến đấu cần đến .

Ấn quyết trong võ thuật được các sát thủ Ninja Nhật Bản sử dụng trong các cuộc chiến đấu . Những ấn quyết này được tuyển chọn cẩn thận từ các hệ thống Yoga của Ấn Độ , và từ các phái Mật Tông của Phật Giáo .

Các ấn quyết này được sử dụng , như một kỹ thuật để làm nền tảng , cho sự tập trung tất cả ý chí , cùng phát huy tận dụng toàn thể , năng lực tiềm ẩn của nhà Võ Thuật Gia , để dùng

trong một cuộc chiến đấu sinh tử .

Ngũ Hành Ấn Quyết là đại biểu cho Đất , Nước , Lửa , Gió và Không Đại , là những ấn quyết cơ bản , bắt đầu cho 81 ấn quyết , hiệu quả trong tương lai .

81 ấn quyết được lần lượt đan quyện vào nhau , tùy hoàn cảnh và tình thế cần đến , Nhà võ thuật gia có thể làm yên lặng tâm thức của mình , và xử dụng Ngũ Hành Ấn , để mang tâm thức của mình lên cảnh giới cao hơn (giống như lên đồng), để tạo những thay đổi trong cơ thể theo ý muốn , như làm giảm áp suất của máu , làm tim đập chậm lại , tập trung toàn thể sự chú ý vào một vấn đề quan trọng nào cần giải quyết ; có thể kéo dài sự tỉnh táo trong một thời gian dài và có thể nín thở từ 3 phút trở lên .

Ấn quyết có thể giúp Nhà Võ Thuật Gia , xử dụng tâm thức của mình một cách hoàn hảo trong mọi hoàn cảnh , dẫn thân trong các sứ mạng nguy hiểm .

Những sự tập luyện của phái Mật Tông Nhật Bản (MIKKYO) , có thể giúp cho Nhà Võ Thuật Gia , phát triển những quyền năng tâm linh và những sức mạnh siêu hình , dùng để hỗ trợ cho các giác quan và những đòn thế trong việc chiến đấu .

Ngoài ra , các sát thủ Ninja của các quốc gia Đông phương còn xử dụng cả Cửu Tụ Ấn Quyết của Mật Tông trong sự tập luyện và dùng cả trong chiến đấu nữa .

Cửu tụ Ấn quyết thường dùng chung với Thập Tụ Quyết :

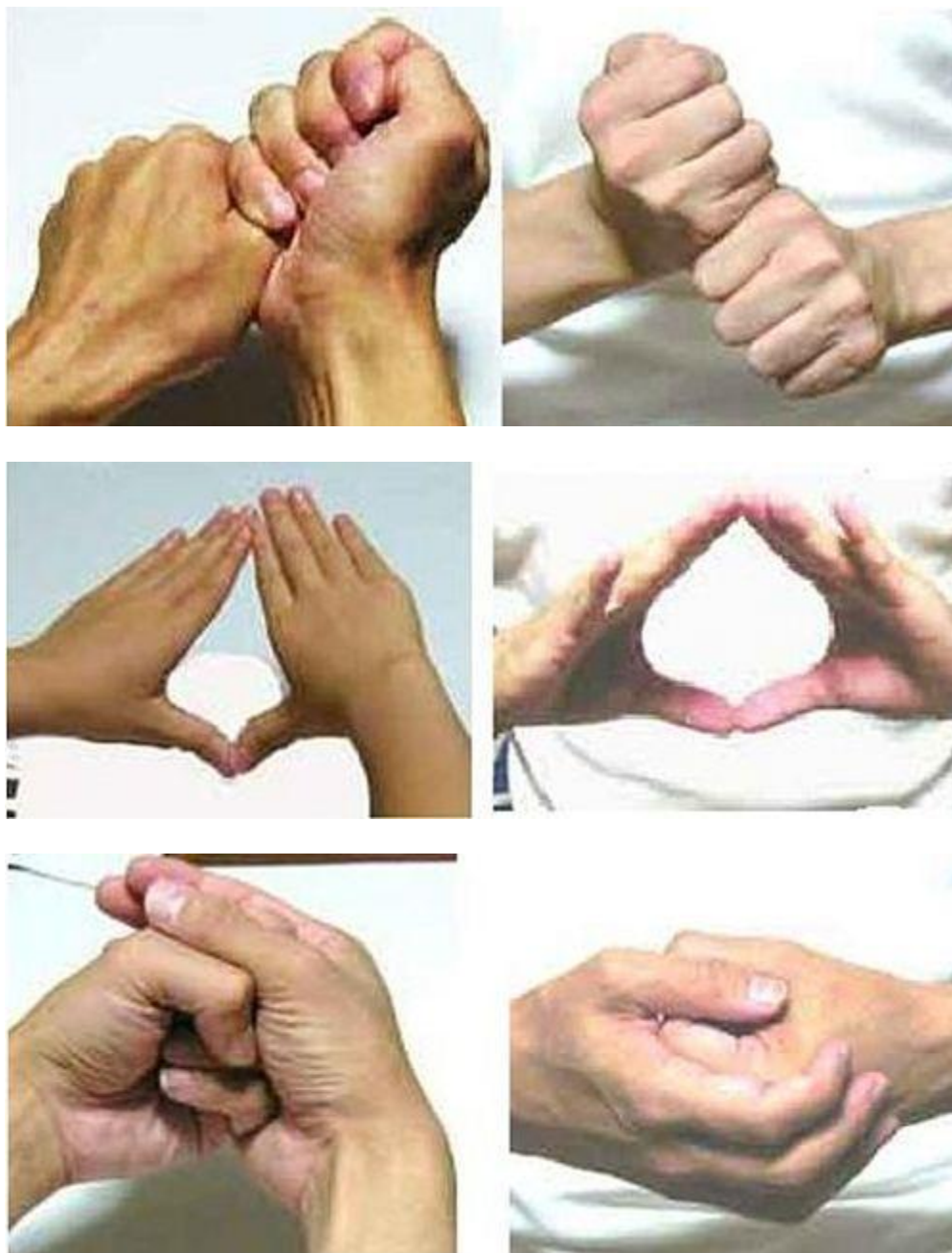
Cửu Tụ Ấn Quyết là :

LÂM – BINH – ĐÁU – GIẢ – GIAI- TRẬN – LIỆT – TIỀN .









Thập Tự Quyết : là bùa Tứ Tung Ngũ Hoàn vẽ đan xỏ vào nhau . Thập Tự Quyết dùng để êm các sự xâm phạm của ma quỷ , cùng những hiểm nguy có thể xảy đến cho nhà Võ Thuật Gia , bằng cách liên tục bắt Cửu Tự Ấn , xong dùng kiếm ấn tay mặt , vẽ Thập Tự Quyết trong lòng bàn tay trái , xong nắm lại và thổi phù vào đó , đồng thời bàn tay phóng bùa này , vào nơi chỗ

mình muốn yếm hay vào nơi bị bệnh của bệnh nhân trong khi trị bệnh bằng khí công ngoại cảm cho người khác .